

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Hòa Phú
(Phần diện tích Khu công nghiệp Hòa Phú hiện trạng và
phần mở rộng giai đoạn 1), tỷ lệ 1/500**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây Dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 186/TTr-SXD ngày 10/8/2023 kèm theo Báo cáo số 310/BC-SXD ngày 13/7/2023; Công ty TNHH Hòa Phú Invest tại Tờ trình số 88/2023/TTr-HPI ngày 05/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Hòa Phú (Phần diện tích Khu công nghiệp Hòa Phú hiện trạng và phần mở rộng giai đoạn 1), tỷ lệ 1/500, với các nội dung chính như sau:

1. Ranh giới và phạm vi nghiên cứu.

a) Vị trí khu đất, ranh giới:

- Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch chi tiết tuân thủ theo Đồ án điều chỉnh mở rộng Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa (tỷ lệ 1/2.000) đã được của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt theo Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 16/7/2021.

- Vị trí: thuộc địa phận hành chính xã Mai Đình, xã Hương Lâm và xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Giới hạn cụ thể:

+ Phía Bắc: Giáp tuyến đường liên khu vực dự kiến theo QHC và dân cư xã Hương Lâm;

+ Phía Nam: Giáp đường đê sông Cầu;

+ Phía Đông: Giáp đường tỉnh 295;

+ Phía Tây: Giáp tuyến đường liên khu vực dự kiến theo QHC và dân cư xã Mai Đình.

b) Quy mô:

- Quy mô nghiên cứu khoảng: 302,99 ha. Trong đó khu vực lập quy hoạch chi tiết khoảng 292,45 ha. Bao gồm:

+ Quy mô khu vực KCN Hòa Phú hiện hữu khoảng: 207,45 ha

+ Quy mô khu vực KCN Hòa Phú mở rộng giai đoạn 1 khoảng: 85 ha.

- Khu vực ngoài KCN (đất nghĩa địa và điểm tập kết CTR địa phương) có quy mô khoảng: 10,54 ha.

2. Tính chất.

Là khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, khu công nghiệp công nghệ cao. Các ngành nghề sản xuất thu hút đầu tư:

- Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Công nghiệp chế biến lương thực, chế biến nông sản, thực phẩm, chế biến thủy sản, thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất phương tiện vận tải, công nghiệp chế biến, chế tạo khác...

- Công nghiệp lắp ráp cơ khí,... Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất thiết bị điện; Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu.

- Nhóm ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí: Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.

- Công nghiệp chế biến, chế tạo khác: May mặc, gia công giày dép (không bao gồm nhuộm); Sản xuất sản phẩm từ giấy (không bao gồm sản xuất bột giấy, giấy và bia); Sản xuất thiết bị nội thất; Sản xuất các sản phẩm từ cao su và plastic; Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít; Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu; sản xuất sợi nhân tạo; Kho vận, trạm trung chuyển, dịch vụ logistics...

3. Quy hoạch sử dụng đất.

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	Loại đất	KCN Hoà Phú hiện hữu		KCN Hoà Phú mở rộng giai đoạn 1		Tổng toàn khu	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng KCN	207,45	100,00	85,00	100,00	292,45	100,00
1	Đất hành chính, dịch vụ	3,34	1,61	0,84	0,99	4,19	1,43
2	Đất xây dựng nhà máy, kho tàng	143,49	69,17	57,30	67,41	200,79	68,66
3	Đất cảng	3,47	1,67	0,00	0,00	3,47	1,19
4	Đất cây xanh mặt nước	23,13	11,15	14,95	17,59	38,08	13,02
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	1,94	0,94	2,04	2,40	3,98	1,36
6	Đất giao thông, bãi xe	32,08	15,46	9,87	11,61	41,94	14,34
II	Đất ngoài KCN			10,54	100,00	10,54	100,00
1	Đất nghĩa địa, cây xanh			10,05	95,34	10,05	95,34
2	Điểm tập kết CTR			0,49	4,66	0,49	4,66

4. Các giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan.

- Bố cục không gian kiến trúc:

+ Tổng thể khu vực là công trình công nghiệp thấp tầng khối tích lớn với điểm nhấn là tuyến đường có kênh nước chạy giữa và hệ thống vành đai xanh xung quanh ranh giới.

+ Không gian tổng thể liên kết chặt chẽ khu vực mở rộng và khu vực hiện hữu để tạo sự tiếp nối, nâng cao giá trị cảnh quan.

- Không gian khu trung tâm điều hành, dịch vụ, kho vận khu công nghiệp:

+ Khu trung tâm điều hành và dịch vụ công cộng chính của cả khu đã được quy hoạch trong KCN Hoà Phú hiện hữu (207,45ha), nằm ở vị trí lõi vào cổng chính của khu công nghiệp. Các công trình trong khu vực này được bố trí xây dựng tập trung thành một tổng thể không gian quy hoạch – kiến trúc thống nhất đẹp và hiện đại, đảm bảo sự hài hòa về tổng thể góp phần tạo nên bộ mặt kiến trúc riêng cho khu công nghiệp.

+ Khu vực mở rộng bố trí thêm quỹ đất với chức năng chủ yếu là dịch vụ, kho vận.

- Không gian khu sản xuất (các nhà máy, xí nghiệp, kho tàng...):

+ Toàn bộ các nhà máy đều hướng ra những trục đường chính, đảm bảo không gian kiến trúc và thuận tiện cho việc phối kết kiến trúc toàn khu. Không gian kiến trúc rất đa dạng theo chức năng sử dụng của từng nhà máy, xí nghiệp nhưng được thống nhất bởi sự phối kết kiến trúc của toàn khu công nghiệp trên các trục đường chính. Khuyến khích các nhà máy hiện đại, sử dụng công nghệ tiên tiến.

+ Các nhà máy được tổ chức theo nhiều hình thức từ thấp tầng (1 tầng) đến cao tầng (2÷5 tầng). Các nhà máy sản xuất công nghiệp nhẹ nên định hướng được xây dựng cao tầng.

+ Không gian trong nội bộ các khu nhà xưởng đảm bảo trồng cây xanh cảnh quan khu vực tiếp giáp đường giao thông, tỷ lệ cây xanh theo quy định.

- Không gian cây xanh mặt nước trong khu công nghiệp:

+ Không gian cây xanh mặt nước trong KCN gồm các khu vực: trục xanh kết hợp kênh nước từ công chính kết nối KCN Hòa Phú hiện hữu sang khu mở rộng, vành đai xanh xung quanh ranh giới Khu công nghiệp.

+ Khu vực vành đai xanh vừa có hệ thống kênh thoát nước đảm bảo thoát nước cho KCN và khu vực lân cận, vừa tạo khoảng cách ly cây xanh hạn chế tác động ô nhiễm đến cộng đồng cư dân xung quanh.

- Không gian khu vực cảng ven sông Cầu:

+ Khu vực ven sông Cầu, ưu tiên tổ chức không gian thuận lợi cho việc cập bến, dỡ hàng và di chuyển vào KCN.

+ Đảm bảo các hướng tiếp cận với đê sông Cầu ở độ dốc cho phép.

- Không gian cảnh quan khu vực hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường:

+ Việc quy hoạch các công trình đầu môi hạ tầng kỹ thuật ở những vị trí phù hợp với việc đấu nối với hạ tầng kỹ thuật từ ngoài ranh giới vào khá thuận lợi cũng như dễ dàng trong giai đoạn vận hành sau này. Các công trình đều có hệ thống cây xanh thảm cỏ cách ly.

+ Nhà máy xử lý nước thải được bố trí với quy mô phù hợp để đáp ứng được yêu cầu thoát nước thải của toàn khu.

- Đường giao thông, bãi xe – xưởng sửa chữa:

+ Hệ thống giao thông được quy hoạch đơn giản, liên thông rất thuận lợi cho việc kết nối luân chuyển, lưu thông hàng hoá.

+ Mạng đường trong Khu công nghiệp được bố trí theo nguyên tắc: Các tuyến đường phụ chạy song song và vuông góc với trục đường chính của Khu công nghiệp.

+ Khu vực bãi xe ở vị trí gần công vào từ đường QH nối đường tỉnh 295 với đê tả sông Cầu, liên thông tốt đến các nhà xưởng trong Khu công nghiệp. Kết hợp bố trí trạm sửa chữa trong khu bãi xe phục vụ theo nhu cầu thực tế sử dụng.

- Việc tổ chức Quy hoạch kiến trúc cảnh quan chỉ mang tính chất định hướng chung cho các lô đất nhà xưởng công nghiệp, qua đó tạo tiền đề cho sự phát triển đồng bộ về mặt kiến trúc cảnh quan của Khu công nghiệp sau này, góp phần tạo nên sự hiệu quả cho các công tác quy hoạch, quản lý, cấp phép đầu tư.

5. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

a. Hệ thống giao thông:

- Đường chính trong KCN có tốc độ thiết kế 40km/h. Các đường nhánh có vận tốc 20-30km/h.

- Hệ thống giao thông nội bộ có các mặt cắt như sau:

+ Tuyến đường có mặt cắt 1-1: Có chỉ giới đường đỏ là 17m, trong đó: lòng đường rộng 9m; hè hai bên rộng $3+5=8$ m.

+ Tuyến đường có mặt cắt 2-2: Có chỉ giới đường đỏ là 15,5-16,5m, trong đó: lòng đường rộng 7,5m; hè hai bên rộng $(3-4)+5=8-9$ m.

+ Tuyến đường có mặt cắt 2A-2A: Có chỉ giới đường đỏ là 16,5m, trong đó: lòng đường rộng 7,5m; hè hai bên rộng $4+5=9$ m.

+ Tuyến đường có mặt cắt 2B-2B: Có chỉ giới đường đỏ là 50m, trong đó: mặt đường rộng $2 \times 7,5$ m; mương hở rộng 17m, hè hai bên mương rộng $2 \times 4=8$ m; hè hai bên đường rộng $2 \times 5=10$ m.

+ Tuyến đường có mặt cắt 3-3: Có chỉ giới đường đỏ là 70m, trong đó: lòng đường rộng $2 \times 10,5$ m; mương hở ở giữa rộng 26m; hè hai bên mương rộng $2 \times 4,5=9$ m; hè hai bên đường rộng $2 \times 7=14$ m.

+ Tuyến đường có mặt cắt 4-4: Có chỉ giới đường đỏ là 17,5m, trong đó lòng đường rộng 7,5m; hè hai bên rộng $2 \times 5=10$ m.

+ Tuyến đường có mặt cắt 4A-4A, 4B-4B, 4C-4C: Có chỉ giới đường đỏ là 15,5m, trong đó có mặt đường rộng 7,5m; hè hai bên rộng $3+5=8$ m.

+ Tuyến đường có mặt cắt 5-5: Có chỉ giới đường đỏ là 33m, trong đó: lòng đường rộng $2 \times 7,5$ m; giải phân cách giữa rộng 8m, hè hai bên rộng $2 \times 5=10$ m.

+ Tuyến đường có mặt cắt 6-6: Có chỉ giới đường đỏ là 21,5m, trong đó: lòng đường rộng $2 \times 10,25$ m; lề an toàn $2 \times 0,5=1$ m.

+ Tuyến đường có mặt cắt 7-7; 8-8: Có chỉ giới đường đỏ là 25m, trong đó: lòng đường rộng 11m; hè hai bên rộng $2 \times 7=14$ m.

- Giải pháp san nền:

+ Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế.

+ Hướng dốc nền Bắc – Nam về phía sông Cầu, Tây – Đông về phía KCN Hòa Phú hiện hữu (207.45ha). Cao độ nền từ +3,35m đến +5,68m.

+ Khu vực khu công nghiệp Hòa Phú hiện hữu đã được hoàn thiện với cos không chế tim đường là +4,76 đến +5,26m

- Chọn cao độ khống chế san nền trong lô đất:
- + Hmin = +4,56m
- + Hmax = +5,36m

b. Phương án thoát nước mưa:

- Thoát nước cho khu vực dự án được thiết kế theo phương án thoát nước riêng hoàn toàn.
- Hướng thoát nước mưa tuân thủ theo hướng dốc nền xây dựng của bản vẽ Quy hoạch San nền.
- Nước mưa được gom qua các ga thu bố trí hai bên đường, dẫn theo các tuyến cống nhánh rồi đổ ra các tuyến cống chính và xả ra kênh thoát nước.
- Cao độ đặt cống được chọn trên cơ sở hệ thống cống thoát nước tự chảy với độ dốc đặt cống tối thiểu là 1/D để giảm chiều sâu chôn cống.
- Độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,6m với cống chôn dưới lòng đường; tối thiểu là 0,4m với cống chôn dưới hè đường.
- Các giếng thu được xây dựng riêng biệt hoặc kết hợp giếng thăm trên hệ thống cống để thu nước mưa mặt đường và để nối cống. Các giếng thăm được xây dựng để tạo lối tiếp cận với các cống để kiểm tra, thau rửa và sửa chữa cống.
- Cống thoát nước sử dụng cống tròn và cống hộp chịu lực đường kính cống tròn từ D600-D1500, cống hộp sử dụng các loại 2(2x2)m, 2(3x2,5m), 3,5x3,5m.
- Để đảm bảo tiêu thoát nước cho dự án được thuận lợi thì bao quanh dự án có xây dựng hệ thống mương hở để thu gom nước mặt cho toàn dự án cũng như các khu vực lân cận. Mạng lưới thoát nước mưa được chia thành nhiều lưu vực nhỏ và xả ra các điểm gần nhất để giảm khẩu độ cống và chiều sâu chôn cống.

c. Phương án cấp nước:

- Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ nhà máy xử lý nước sạch có công suất 4000 m³/ngđ của KCN Hòa Phú hiện hữu và nhà máy xử lý nước xây mới của KCN Hòa Phú giai đoạn mở rộng với công suất tính toán 8000 m³/ngđ.
- Nguồn nước thô lấy từ nước mặt sông Cầu và được bơm về các hồ sơ lắng trước khi đưa vào dây chuyền xử lý nước sạch.
- Tổng công suất cấp nước cho các giai đoạn là **12000 m³/ng.đ**
- Thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước cho khu công nghiệp theo dạng kết hợp giữa cấp nước sản xuất, cấp nước sinh hoạt và cấp nước cứu hỏa.
- Mạng lưới cấp nước sạch được thiết kế là mạng vòng khép kín kết hợp mạng nhánh đi dọc theo các trục đường giao thông.
- Các tuyến ống cấp nước dự kiến được bố trí dưới hè, đảm bảo khoảng cách ly an toàn đối với các công trình ngầm khác theo quy định. Đường ống cấp nước có đường kính từ D110 đến D315.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế chung với mạng cấp nước sinh hoạt, là hệ thống chữa cháy áp lực thấp. Áp lực tự do cần thiết tại đầu ra của các trụ cứu hoả là không dưới 10m, họng cứu hoả DN100 được bố trí gần ngã 3 ngã 4 và dọc các tuyến đường cách mép vỉa hè không quá 2,5m. Cự ly cách nhau trung bình giữa hai trụ cứu hoả là 100m - 150m

- Số đám cháy xảy ra đồng thời được giả thiết là 02 đám.

d. Giải pháp thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

Các chỉ tiêu thoát nước thải lấy tối thiểu bằng 80% tiêu chuẩn cấp nước

- Công suất nước thải Trạm xử lý giai đoạn mở rộng của dự án là: **2.600(m³/ngđ).**

- Công suất nước thải Trạm xử lý KCN Hòa Phú hiện hữu là: **6.000(m³/ngđ).**

Thu gom và xử lý rác thải khu công nghiệp gồm 2 loại sau:

+ Loại 1: Rác thải của các nhà máy thứ cấp thì các nhà máy thứ cấp có trách nhiệm xử lý đúng quy phạm và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

+ Loại 2: Rác thải của khu công nghiệp được phân loại, tập kết đúng nơi quy định. Sau đó, ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực mang đi xử lý đúng quy trình, quy phạm và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Dự kiến bố trí các thùng thu gom CTR bằng nhựa có nắp đậy để cạnh đường với cự ly nhỏ hơn 100m để tiện cho việc bỏ rác của công nhân viên.

- Đối với khu vực nghĩa địa hiện trạng sẽ được khoanh vùng và bố trí hệ thống cây xanh cách ly xung quanh, tại đây sẽ trồng cây với mật độ dày hơn để tránh tối đa tầm nhìn, ảnh hưởng tới tâm sinh lý người dân sinh sống lân cận.

g. Giải pháp cấp điện:

- Nguồn cấp điện: Khu công nghiệp Hòa Phú và Khu công nghiệp Hòa Phú mở rộng giai đoạn 1 đang và sẽ được cấp điện bởi 02 nguồn. Trong đó:

+ Nguồn thứ nhất: Từ Trạm biến áp 110kV Sông Cầu, công suất hiện tại (1x40+1x63)MVA (Dự kiến nâng công suất lên 3x63MVA theo quy hoạch ngành điện).

+ Nguồn thứ hai: Từ trạm biến áp 110kV Hòa Phú xây dựng mới trong khu vực quy hoạch, công suất dự kiến 2x63MVA.

- Tổng công suất yêu cầu theo phụ tải của khu vực làm tròn khoảng: 203MVA.

- Lưới điện 110kV: Nguồn cấp điện cho trạm điện 110kV Hòa Phú dự kiến lấy từ lưới điện 110kV từ trạm điện 220kV Hiệp Hòa đi trạm điện 110kV Yên Phong;

- Lưới điện 22kV:

+ Lưới điện trung áp 22kV cấp điện cho các trạm biến áp của phụ tải sản xuất trong khu vực là đường dây 22kV đi trên không bằng cột BTLT dự ứng lực.

+ Xây dựng mới các trạm biến áp 22/0,4kV cấp điện cho nhà điều hành, dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật và chiếu sáng đường giao thông.

+ Về trạm biến áp phụ tải phục vụ công nghiệp chọn gam công suất phù hợp với yêu cầu của từng khách hàng và sẽ do nhà đầu tư thứ cấp lên phương án chi tiết.

- Hiện trạng và hoàn trả: Trong khu vực có 01 đường dây không LDA471-E7.16 đi qua, dự kiến hoàn trả trên vỉa hè đường quy hoạch.

- Trạm biến áp phân phối 22/0,4kV:

+ Xây dựng mới các trạm biến áp 22/0,4kV cấp điều hành, hạ tầng kỹ thuật và chiếu sáng đường phố...

+ Về trạm biến áp phụ tải phục vụ công nghiệp chọn gam công suất phù hợp với yêu cầu của từng nhà máy và sẽ do nhà đầu tư thứ cấp thực hiện.

- Lưới điện chiếu sáng đường:

+ Sử dụng cột đèn cao 8m và 10m bóng đèn LED cao áp 220V-100W tùy thuộc vào bề rộng lòng đường.

+ Khoảng cách giữa các cột đèn chiếu sáng từ 28÷35m;

+ Các đèn chiếu sáng công cộng được điều khiển bởi các tủ điện điều khiển chiếu sáng, hẹn giờ bật/tắt theo thời gian. Tủ điện được cấp nguồn từ trạm biến áp phân phối trong khu vực;

+ Cấp điện cấp cho chiếu sáng sử dụng cáp đi ngầm 0,6/1kV CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC được bảo vệ bằng ống nhựa xoắn chịu lực HDPE. Đoạn cáp qua đường được bảo vệ bằng ống lồng thép.

h. Giải pháp thông tin liên lạc:

- Đầu tư xây dựng một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với hệ thống bưu chính cơ sở và mạng viễn thông quốc gia bao gồm các nội dung sau:

+ Hệ thống viễn thông là hệ thống ngầm, được ghép nối vào mạng viễn thông của khu vực;

+ Bổ sung kết nối giữa hạ tầng thông tin liên lạc KCN Hòa Phú hiện hữu với KCN Hòa Phú mở rộng giai đoạn 1.

+ Cống cáp trực chính sử dụng ống HDPE D130/110 hoặc ống uPVC D110 chôn ngầm trong đất, chiều sâu chôn ống đảm bảo theo quy phạm dẫn đến từng lô đất của các nhà máy trong khu công nghiệp. Đoạn qua đường luôn trong ống thép.

+ Khoảng cách giữa các ga cống cáp kỹ thuật trung bình 50m÷80m;

+ Xây dựng các trạm BTS với khoảng cách từ 300~500m/trạm BTS; Trạm thu phát sóng bố trí dưới dạng ngụy trang tại khu vực cây xanh, dải phân cách hoặc trên vỉa hè đường tùy từng vị trí.

- Hệ thống thông tin liên lạc được thiết kế đồng bộ với các hệ thống cấp điện, chiếu sáng nhằm đảm bảo tính đồng bộ của công trình. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ đầu tư khai thác hệ thống thông tin.

6. Những hạng mục chính ưu tiên đầu tư xây dựng.

- *Công trình:* Khu hành chính, nhà xưởng sản xuất, công trình trạm xử lý nước thải, cấp nước, trạm điện;

- *Hạ tầng kỹ thuật:* Hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện và khu xử lý nước thải.

7. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong “Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Hòa Phú (Phần diện tích Khu công nghiệp Hòa Phú hiện trạng và phân mở rộng giai đoạn 1), tỷ lệ 1/500” ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Sở Xây dựng, Công ty TNHH Hòa Phú Invest chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, các nội dung thẩm định theo quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hòa, Công ty TNHH Hòa Phú Invest và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích